TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 10 - 2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 133/2, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị T trình bày là do mai mối vào tháng 5/2018 chị T và anh H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 21/5/2018. Sau khi kết hôn, anh H về nước, khoảng 01 tháng sau thì chị T sang Đài Loan du lịch và chung sống với anh H, nhưng được khoảng 01 tháng thì chị T nhận thấy môi trường sống không thuận lợi, khó khăn về ngôn ngữ, khoảng cách địa lý là nguyên nhân vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị T đã về Việt Nam sinh sống và vợ chồng ly thân đến nay. Do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H. Về nuôi con chung không có. Về chia tài sản không có. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa chị Lê Thị T là công dân Việt Nam và anh H là công dân nước ngoài, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị T cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và anh H không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp tại Công văn số 03/TTTPDS-TA20 ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với đương sự H và Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, nhưng đương sự H vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự H là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy việc chị Lê Thị T và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 21/5/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tại phiên tòa chị T trình bày sau khi kết hôn, do bất đồng về ngôn ngữ, khoảng cách địa lý làm cho quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không hạnh phúc, từ ngày vợ chồng ly thân đến nay cũng không trở lại chung sống và cũng không liên lạc với nhau, hiện chị T không còn tình cảm với anh H nên xin được ly hôn. Đối với anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy tờ có liên quan, nhưng không có văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Từ những căn cứ trên, xét thấy chị T và anh H có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy

việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị T trình bày không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị T phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh H.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000742 ngày 09/12/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0000623 ngày 03/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T có mặt ở Việt Nam, thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh H cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND huyện L;
- Lưu HS, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng